

nhiên. Kết quả đã chọn nên một số đột biến tự nhiên rất có ý nghĩa, đặc biệt là ở lúa, mặc dù tăng số và phổ đột biến không lớn và rộng lắm như trong các công trình thực nghiệm.

Hiện nay, tại một số điểm nghiên cứu trên miền Bắc nước ta một số đột biến đã thực sự có ý nghĩa nhất định đối với sản xuất, đã được cán bộ lãnh đạo và cán bộ kĩ thuật đánh giá cao.

Trong quá trình nghiên cứu, so sánh lặp lại nhiều lần, chúng ta khẳng định về hiệu quả rất cao của một số đột biến lúa mới so với các giống lúa đang sản xuất đại trà hiện nay.

Trong các khu vực thí nghiệm khác nhau, chúng ta đang có hàng chục dạng đột biến có triển vọng, đang tiến hành nghiên cứu so sánh giống, so sánh giống.

Đáng chú ý là chúng ta đã nhận nhiều đột biến ở hầu khắp các loại cây trồng đúng với mô hình đã vạch ra từ lúc đầu. Các đột biến

như thế là vật liệu khởi đầu có giá trị đối với việc chọn giống, rất khó tìm thấy ở một giống bất kì trong điều kiện tự nhiên, đặc biệt là các đột biến có dạng hình thấp cây. Hiện nay một số cơ sở đang bắt đầu nghiên cứu lại các đột biến này.

Trên đây là những kết quả bước đầu rất có ý nghĩa. Những kết quả đó bảo đảm một niềm tin, một triển vọng và một tương lai đầy hứa hẹn của một tập thể những người làm công tác khoa học về di truyền chọn giống ở nước ta.

Sắp đến hội nghị chuyên đề « Nghiên cứu chọn giống đột biến lần thứ nhất » ở nước ta sẽ được tổ chức. Chúng ta tin rằng, trong hội nghị đó, các cơ sở nghiên cứu tổng kết một cách đầy đủ và toàn diện những vấn đề lí thuyết và thực tiễn của những nghiên cứu đã qua, vạch ra phương hướng, nội dung và tổ chức các thí nghiệm đề đầy mạnh và đi sâu hơn nữa về hướng nghiên cứu này nhằm thực hiện một cách có hiệu quả các đề tài về di truyền giống đang được vạch ra.

NHỮNG YÊU CẦU MỚI VỀ PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC PHÒNG TRỪ DỊCH BỆNH CHO LỢN

TRỊNH VĂN THỊNH

Công tác phòng, trừ dịch bệnh là một ứng dụng của khoa học thú y, phải được đặt ra phù hợp với phương thức chăn nuôi hiện tại và chuẩn bị cho những phương thức chăn nuôi mới. Phòng, trừ dịch bệnh gia súc và phát triển chăn nuôi là hai công tác cụ thể trong nhiệm vụ bảo vệ sản xuất và phát triển sản xuất nông nghiệp. Đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chính, trong đó có chăn nuôi lợn, và đề ra những yêu cầu mới cho công tác thú y phải được tiến hành theo những phương hướng và kĩ thuật thích hợp.

NHỮNG YÊU CẦU MỚI ĐỐI VỚI CÔNG TÁC PHÒNG TRỪ DỊCH BỆNH CHO LỢN

1. Đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chính thể hiện trước hết ở chỗ ngành này vượt ra ngoài khuôn khổ tự cấp tự túc, chuyển thành một ngành sản xuất hàng hóa. Một ngành chăn nuôi « có tính chất thương nghiệp » như thế, đặt ra yêu cầu phải làm ra được nhiều sản phẩm hàng hóa trong thời gian ngắn, hàng hóa có chất lượng tốt và giá thành hạ.

Sản phẩm hàng hóa chủ yếu của ngành nuôi lợn là thịt (thịt nạc và mỡ), cộng với những sản phẩm khác như phân bón, da, lông v.v... Muốn sản xuất được nhiều thịt tốt trong thời gian ngắn với giá thành hạ phải tăng tốc độ tái sản xuất của đàn lợn, phải có những giống lợn tốt (ví dụ: giống lợn cho nhiều thịt nạc) phải nuôi dưỡng lợn đầy đủ để lợn xuất chuồng nhanh, đạt trọng lượng cao mà lại tiết kiệm thức ăn. Ngành thú y phải có những tiến bộ kĩ thuật bảo đảm thực hiện những yêu cầu về chăn nuôi đó.

Để tăng tốc độ tái sản xuất của đàn lợn, phải tăng số lứa đẻ trong một năm, tăng số con đẻ và nuôi được trong một lứa của lợn nái. Như thế, phải có lợn đực và lợn nái tốt, cấu thành của đàn lợn phải hợp lí, phải cho lợn nái phối giống đúng kì hạn (áp dụng kĩ thuật thụ tinh nhân tạo để chủ động hơn trong việc phối giống), phải nuôi dưỡng tốt lợn con từ sơ sinh đến cai sữa. Việc phòng dịch bệnh phải bảo đảm:

- Phòng được những bệnh do việc phối giống hoặc do thụ tinh nhân tạo không đúng kĩ thuật gây ra, ví dụ những bệnh viêm âm đạo, viêm tử cung của lợn nái, những bệnh sảy thai truyền nhiễm do vi trùng và kí sinh trùng mà lợn đực có thể truyền cho lợn nái;

- Chuẩn bị đầy đủ đề đỡ cho lợn nái khi đẻ, tránh tình trạng lợn sơ sinh chết vì ngạt thở, vì bị mẹ đè phải;

- Phòng những bệnh thường phát ở lợn con từ sơ sinh đến cai sữa, đáng chú ý nhất là bệnh lợn con ỉa cứng trắng, bệnh giun lươn, v.v... Trong điều kiện chăn nuôi lợn nái tập trung, phải có sổ đăng kí ghi chú đầy đủ cho từng con: ngày động dục, ngày phối giống, ngày dự tính lợn sẽ đẻ, v.v... để chuẩn bị kịp thời những phương tiện, dụng cụ, thuốc men, sữa sang chuồng trại, sắp xếp nhân lực v.v...

Muốn lợn thịt đạt trọng lượng cao trong thời gian ngắn để xuất chuồng nhanh mà lại tiết kiệm thức ăn, phải nâng cao mức tăng trọng bình quân hằng tháng và hạ giá thành sản xuất một kg thịt lợn hơi. Như thế, phải có giống tốt, thức ăn đầy đủ, đồng thời phải có những biện pháp phòng, trị những bệnh làm giảm tăng trọng lượng, đáng chú ý nhất là những bệnh giun sán. Từ sau khi cai sữa đến khoảng 5 — 6 tháng tuổi, bệnh giun đũa gây những hiện tượng chậm sinh trưởng, còi cọc, lông xù, da nhợt nhạt, mồm meo, ỉa chảy, gầy rạc, thiếu máu, v.v... Lợn mắc bệnh giun

đũa thường sinh trưởng kém đến 30—50% so với lợn được phòng trị tốt bệnh này. Người ta đã thấy nhiều lợn nhỏ chết vì giun đũa làm thủng ruột, tắc ruột, chui vào ống mật v.v... Khi bắt đầu vỗ béo, thì lợn thịt thường bị hại vì các bệnh sán lá ruột, giun tóc, v.v... Riêng bệnh sán lá ruột có thể làm giảm tăng trọng của lợn xuống đến 30% mà vẫn tiêu tốn nhiều thức ăn. Công tác phòng, trị bệnh trong hai thời kì này, ngoài việc tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm, phải đặc biệt chú ý cho uống thuốc phòng bệnh giun đũa và sán lá ruột, cũng như chữa trị kịp thời hai bệnh ấy cho cả đàn. Thiệt hại do các bệnh giun sán càng trầm trọng trong điều kiện chăn nuôi tập trung quí mô lớn vì số thịt mà mỗi con lợn mất đi sẽ nhân lên gấp nhiều lần, chưa kể điều kiện sống tập trung làm bệnh dễ lây lan trong đàn lợn.

Hiện nay, muốn đạt trọng lượng cao trong thời gian nuôi ngắn với chất lượng thịt tốt và giá thành hạ, người ta nuôi một cách phổ biến các giống lợn lai kinh tế. Những lợn lai kinh tế có một phần máu ngoại, thường thích nghi kém với những điều kiện khí hậu, bệnh tật ở địa phương. Ở ta, những lợn này dễ mắc những bệnh đường hô hấp do khí hậu nóng, ẩm và những bệnh giun sán chỉ có ở khí hậu nhiệt đới như bệnh sán lá ruột. Công tác phòng, trừ dịch bệnh phải được đặt ra một cách thích hợp và khẩn trương hơn đối với những giống lợn này: chuồng trại phải đủ diện tích, thoáng mát, tránh cho lợn lại khổi bị quá nóng, quá ẩm; thức ăn phải được xử lí thật vệ sinh (nhất là thức ăn cho ăn sống) để tránh những bệnh có thể qua thức ăn, nước uống mà vào cơ thể lợn (bệnh truyền nhiễm, bệnh giun sán); việc tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm và cho uống thuốc phòng các bệnh giun sán phải làm triệt để và đúng kế hoạch. Phòng, trị tốt các bệnh giun sán giúp cho lợn sử dụng được thức ăn với hiệu suất cao hơn, chính là một biện pháp tích cực làm cho lợn tăng trọng nhanh hơn; chi phí về thức ăn, giống, nhân lực, khấu hao chuồng trại... cho một đời lợn giảm xuống; do đó, giá thành của thịt sản xuất ra sẽ hạ.

- Cuối cùng, chăn nuôi sản xuất hàng hóa đòi hỏi phải chế biến các sản phẩm chăn nuôi thành dạng hàng hóa thích hợp, và đẩy mạnh việc lưu thông các sản phẩm ấy. Việc kiểm tra vệ sinh tại các cơ sở chế biến (ví dụ: lò mổ thịt lợn hằng ngày, chỗ chế biến thịt tươi thành thịt chín và các loại thức ăn khác,...) phải được tăng cường để bảo vệ sức

khỏe cho người tiêu thụ, đồng thời phát hiện những nguồn dịch (nơi đã cung cấp sức vật để mổ thịt hay thịt để chế biến) để kịp thời ngăn chặn. Đặc biệt việc kiểm dịch gia súc trong nội địa và xuất khẩu, việc kiểm soát vận chuyển, việc kiểm tra vệ sinh những nơi tập trung gia súc (chỗ mua bán, chỗ trình bày,...) phải được hết sức chú trọng, vì kinh nghiệm thực tế đã cho thấy việc vận chuyển, lưu thông gia súc và các sản phẩm chăn nuôi là nguyên nhân chính làm lây lan nhiều loại dịch bệnh.

2. Ngành chăn nuôi sản xuất lớn là một ngành chăn nuôi tập trung, chuyên môn hóa «thâm canh», theo phương hướng phát triển chung của nền nông nghiệp sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa.

Chăn nuôi tập trung tạo cho gia súc những điều kiện sinh sống mới: một số đồng lợn (nhất là lợn thịt, lợn hậu bị) phải chăn nuôi trên một diện tích hẹp hơn, trong hoàn cảnh phải thường xuyên tiếp xúc với nhau mật thiết hơn; do đó, dịch bệnh có điều kiện lây lan dễ dàng và nhanh chóng hơn. Công tác thú y phải tìm ra những phương pháp phát hiện bệnh hàng loạt và phát hiện bệnh sớm có thể áp dụng nhanh chóng và thuận tiện cho những đàn lợn nuôi tập trung; đưa việc phát hiện bệnh và những trạng thái bất thường về sức khỏe và sức phát triển của toàn đàn lợn và của từng lô, từng con, thành một nền nếp công tác thường xuyên, định kỳ trong các xí nghiệp chăn nuôi lớn. Công tác thú y cũng phải dự kiến những bệnh đã có nhưng có thể trở thành nặng hơn hoặc những bệnh mới trong điều kiện chăn nuôi tập trung; chủ động nghiên cứu những phương pháp phòng, trị bệnh có hiệu lực phù hợp với điều kiện chăn nuôi ấy, ví dụ: phải đề ra rất cao công tác vệ sinh phòng bệnh phòng dịch; phải thiết kế khu chăn nuôi và chuồng trại cho phù hợp với qui mô chăn nuôi đã mở rộng, thuận tiện cho việc quản lý đàn lợn: phải đề ra những qui trình và tiêu chuẩn phòng bệnh, trị bệnh thích hợp, phải tìm ra các thuốc và các phương pháp dùng thuốc mới, v.v... Nói cụ thể, chuồng trại phải thiết kế thế nào để (ngoài những yêu cầu về kỹ thuật chăn nuôi) có thể bảo đảm cho những con vật ốm hoặc nghỉ ốm được cách ly kịp thời và chặt chẽ, theo dõi được đầy đủ những con vật mới đưa từ nơi khác đến, thuận tiện cho việc làm vệ sinh, chăm sóc đàn lợn bằng những công cụ cải tiến, nĩa cơ khí và cơ khí; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh và các phương pháp phòng, trị bệnh

khác phải được áp dụng một cách nhanh chóng và thuận tiện cho những đàn lợn lớn, không tốn nhiều công lao động, vật tư, chi phí,... không trở ngại cho việc thực hiện các qui trình nuôi dưỡng, chăm sóc thường xuyên của xí nghiệp.

Chăn nuôi chuyên môn hóa là một ngành chăn nuôi phân bố theo vùng sản xuất, được qui hoạch dựa trên yêu cầu sử dụng tốt nhất những khả năng về tự nhiên (đất đai, khí hậu), về kinh tế—xã hội, phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế quốc dân, ví dụ: có vùng chuyên sản xuất lợn thịt, có vùng chuyên nuôi lợn nái sản xuất lợn giống, có vùng thực phẩm chung quanh thành phố, khu công nghiệp kết hợp sản xuất thịt, sữa, rau, đậu... Những vùng trọng điểm sản xuất lúa hàng hóa, hoa màu lương thực hàng hóa, những vùng có công nghiệp chế biến nông sản (làm bột, ép dầu, chế biến sữa, cá...) cũng là những vùng sản xuất lợn hàng hóa nhằm tận dụng những phụ phẩm, phế liệu của ngành trồng lúa, màu, rau của công nghiệp chế biến nông sản để phát triển mạnh chăn nuôi lợn tập trung. Chăn nuôi lợn chuyên môn hóa đòi hỏi phải chuyên môn hóa trong tổ chức lao động và phân công lao động, ví dụ: có lao động chuyên nuôi lợn thịt, lợn nái, lợn giống, có lao động chuyên sản xuất, chế biến thức ăn; chuyên phối giống và thụ tinh nhân tạo; quản lý, chăm sóc, vệ sinh,... Ở đây, việc tổ chức tốt công tác thú y là rất quan trọng để bảo vệ cho những khu vực nuôi lợn tập trung theo vùng, theo ngành: có mạng lưới thú y chặt chẽ cho đến tận cơ sở, có cán bộ kỹ thuật và công nhân chuyên nghiệp, có đủ dụng cụ, thuốc men, có chế độ kiểm tra vệ sinh thường xuyên, phát hiện bệnh, phòng trị bệnh kịp thời, có nội qui thú y chặt chẽ trong xí nghiệp nuôi lợn.

Chăn nuôi «thâm canh» phục vụ sản xuất hàng hóa đặt ra nhiều vấn đề khoa học, kỹ thuật phải giải quyết, trong đó quan trọng nhất là: sử dụng các giống gia súc mới và áp dụng các kỹ thuật cho sinh sản mới; sử dụng những nguồn thức ăn mới và áp dụng các kỹ thuật nuôi dưỡng mới. Chúng ta đã nói đến những yêu cầu phòng, trị bệnh cho những giống lợn mới được đưa vào sản xuất đại trà (ví dụ: lợn lai kinh tế), cho những kỹ thuật cho sinh sản mới (ví dụ: kỹ thuật thụ tinh nhân tạo). Chúng ta cũng đã và đang nhập những giống lợn tốt của nước ngoài để nuôi thích nghi hay cho lai với giống lợn ta, để pha máu với các giống của ta, tạo thành những giống mới, theo

những mục đích nhất định. Những giống lợn nhập nội có thể đưa những bệnh mới vào nước ta (ví dụ: bệnh sảy thai truyền nhiễm), cũng như có thể mắc những bệnh đã có ở nước ta (bệnh trùng xoắn, các bệnh giun sán); cả hai trường hợp đều đưa lại những tổn thất nghiêm trọng do sự tiếp xúc đột ngột giữa mầm bệnh và những cơ thể chưa «thích ứng» với nó. Những giống lợn ngoại thường lại là những giống chuyên môn hóa (ví dụ: lợn chuyên môn hóa theo hướng sản xuất thịt nạc với năng suất cao, trọng lượng xuất chuồng cao) đã được tạo ra qua một quá trình chọn lọc nhân tạo lâu dài, khi đưa vào nước ta do có những thay đổi về cơ thể và sinh lý khiến yếu chịu đựng với những điều kiện khí hậu và bệnh tật nhiệt đới ở ta. Những giống lai có một tỉ lệ máu ngoại nào đó cũng yếu sức chống đỡ một cách tương tự.

Về mặt nuôi dưỡng, kỹ thuật nuôi nhân tạo súc vật non từ sơ sinh đến cai sữa hiện đang được phổ biến (ví dụ: nuôi tách mẹ, cho cai sữa sớm, cho ăn thức ăn sớm cùng với sữa,...) có thể làm cho những bệnh của lợn con trở thành nặng thêm hay phát sinh bệnh mới. Việc tăng thức ăn tinh, đưa thức ăn chế biến theo công nghiệp (thức ăn phối hợp cho ăn dưới dạng viên bột khô hay nhão) vào khẩu phần của lợn cũng có thể làm phát sinh những bệnh như táo bón, do chuyển từ chế độ ăn nhiều chất xơ thô sang chế độ ăn ít chất thô. Riêng việc cho ăn sống thức ăn xanh trong điều kiện chăn nuôi qui mô lớn đòi hỏi phải có những biện pháp phòng bệnh giun sán và các bệnh đường ruột cho toàn đàn lợn.

Trước những đổi mới trong kỹ thuật chăn nuôi theo hướng «thâm canh» (giống mới, thức ăn mới), công tác thú y phải tính trước những trường hợp không thuận lợi, có kế hoạch và biện pháp khắc phục những cản trở cho việc sử dụng giống mới và áp dụng kỹ thuật mới.

MỘT VÀI PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC PHÒNG TRỪ DỊCH BỆNH CHO LỢN

1. Để bảo đảm cho ngành chăn nuôi lợn phát triển, phải dựa vào những yêu cầu mới đã nêu ở phần trên mà có kế hoạch đưa được những tiến bộ kỹ thuật về thú y vào sản xuất nuôi lợn.

Những kết quả điều tra nghiên cứu, thực nghiệm khoa học kết hợp với những kinh nghiệm, quan sát của quần chúng đã cho biết khá đầy đủ về qui luật và những đặc điểm của bệnh tật đối với lợn nước ta. Nhà nước

ta đã ban hành «điều lệ phòng và trị dịch bệnh cho gia súc, gia cầm» và những qui định khác về công tác thú y. Ngành chuyên môn đã đề ra được những biện pháp, chế tạo được những loại thuốc có hiệu lực phòng, trừ dịch bệnh cho lợn. Quần chúng ngày càng hiểu rõ tác hại của dịch bệnh và những phương pháp phòng, trừ dịch bệnh. Tất cả những kết quả này phải được xác định thành những tiến bộ kỹ thuật đưa vào sản xuất để bảo vệ gia súc, phát triển chăn nuôi.

a) Trước hết, phải đưa thành *kỉ luật sản xuất*, phải phát huy tác dụng pháp lệnh của những qui định trong «điều lệ phòng và trừ dịch bệnh cho gia súc, gia cầm» (Nghị định của Hội đồng Chính phủ số 111/CP ngày 23-7-1963).

Điều lệ này qui định các điều khoản mà tất cả các hợp tác xã nông nghiệp, các nông trường quốc doanh và mọi người có chăn nuôi gia súc hoặc làm công tác có liên quan đến chăn nuôi, phải thực hiện đầy đủ để bảo vệ gia súc, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi.

Trong những qui định về công tác phòng bệnh, phòng dịch, có những điều khoản về: xây dựng và giữ vệ sinh chuồng trại; nhốt riêng những gia súc mới đưa về cơ sở chăn nuôi; khai báo khi có dịch hay nghi có dịch; những việc phải làm khi có súc vật ốm, súc vật chết (cách li, mổ xẻ để khám nghiệm, chôn xác). Có những điều khoản riêng cho các việc: sát sinh và chế biến các sản phẩm chăn nuôi (thịt, sữa, da, sừng, xương); vận chuyển, mua bán gia súc (vận chuyển trong nội địa và xuất, nhập khẩu, mua bán súc vật và sản phẩm chăn nuôi tại chợ, v.v...).

Căn cứ vào những hiểu biết về những bệnh dịch thường xảy ra và có tác hại nhất đối với các loại gia súc ở nước ta, điều lệ qui định 16 bệnh (do vi trùng, siêu vi trùng, kí sinh trùng, nhiễm vào các loài trâu bò, ngựa, lừa, la, lợn, dê, cừu, chó... và có thể bổ sung những bệnh khác cần thiết) mà khi xảy ra phải thi hành triệt để những qui định về: khai báo và công bố dịch, bao vây dịch, thực hiện các biện pháp dập tắt dịch, tổ chức chống dịch, công bố hết dịch. Riêng đối với lợn, ngoài bốn bệnh riêng cho loài lợn (dịch tả lợn, đóng dấu lợn, tụ huyết trùng lợn, phó thương hàn lợn), điều lệ cũng qui định những bệnh chung cho lợn và các loài gia súc khác (bệnh dại, bệnh nhiệt thán, bệnh dịch tả trâu bò). Và trong sản xuất hiện nay, có những bệnh chưa ghi vào điều lệ nhưng đã tỏ ra có tác hại nghiêm trọng đối với lợn, như các

bệnh trùng xoắn (leptospirosis), bệnh viêm phổi do siêu vi trùng ở lợn (suyễn lợn). Chúng ta cũng không nên quên các bệnh giun sán (nhất là bệnh giun đũa và sán lá ruột), mặc dù chưa được ghi vào điều lệ của Nhà nước, là những bệnh có tác hại rõ rệt và phải là đối tượng phòng trị quan trọng của công tác thú y.

Để cụ thể hóa « điều lệ phòng và trừ dịch bệnh cho gia súc gia cầm » hiện đang được xúc tiến qui định những thể lệ chi tiết cho các mặt công tác thú y quan trọng nhất: công tác kiểm dịch (thể lệ kiểm dịch xuất nhập khẩu và kiểm dịch nội địa, tổ chức và hoạt động của mạng lưới các trạm kiểm dịch); công tác kiểm soát sát sinh (thể lệ sát sinh ở các thành phố, thị trấn tập trung đông người và ở nông thôn; tổ chức và hoạt động của mạng lưới các lò sát sinh từ thành thị đến nông thôn, v.v...). Đối với mỗi bệnh (trong những bệnh đã ghi và những bệnh sẽ cần bổ sung) cũng phải có những thể lệ chi tiết về các phương pháp phòng dịch (ví dụ: cách li bao nhiêu ngày dựa vào thời kì nung bệnh của từng bệnh, dùng thứ thuốc sát trùng nào cho có hiệu lực cao nhất đối với vi trùng, siêu vi trùng gây bệnh,...) và các phương pháp chống dịch (ví dụ: đối với mỗi bệnh, khi có dịch phải cấm những loài súc vật nào không được ra vào ổ dịch; thời gian công bố hết dịch cho mỗi bệnh là bao nhiêu ngày sau khi có con vật ốm hay con vật chết cuối cùng,...).

Riêng đối với lợn, công tác kiểm dịch phải được đặc biệt chú ý trong việc nhập khẩu lợn giống ngoại (lợn đực và lợn nái), và việc xuất khẩu lợn thịt. Công tác kiểm soát sát sinh phải đặc biệt chú ý những bệnh có thể từ thịt lợn có bệnh nhiễm vào người tiêu thụ (bệnh giun xoắn hay còn gọi là giun bao, bệnh gạo lợn), và cả những bệnh truyền nhiễm của lợn có thể qua việc mổ thịt, vận chuyển thịt mà gây thành những ổ dịch. Trong thời gian có dịch, nhất là đối với những bệnh có khả năng lây lan rất nhanh như bệnh dịch tả lợn phải đặc biệt chú ý việc vận chuyển lợn sống và thịt lợn tươi. Các phương pháp phòng bệnh và chống dịch phải thực hiện nghiêm ngặt, nhất là đối với bệnh dịch tả lợn và đóng dấu lợn, nhưng không thể coi nhẹ bệnh suyễn lợn hiện đang là một mối đe dọa cho việc phát triển công tác giống lợn, mà ta chưa có những biện pháp phòng, trị thật có hiệu lực, và gần đây, các bệnh trùng xoắn uy hiếp các cơ sở nuôi lợn tập trung ở những vùng nhất định (ổ dịch cũ).

b) Phải đưa vào sử dụng trong sản xuất đại trà những loại thuốc phòng, trị bệnh có hiệu lực theo một kế hoạch tiêm phòng (hay cho uống thuốc phòng) thích hợp dựa trên những hiểu biết khoa học về qui luật phát sinh của từng bệnh.

Đối với lợn, chúng ta đã chế được những loại vắc-xin và huyết thanh có hiệu lực tốt như: vắc-xin dịch tả lợn, đóng dấu lợn, vắc-xin trùng xoắn,... và một số loại vắc-xin khác tuy hiệu lực chưa cao nhưng cũng có khả năng phòng bệnh, khống chế bệnh và dập tắt dịch. Các bệnh giun sán của lợn cũng có thể được phòng trị một cách có hiệu lực và thuận tiện với những loại thuốc hóa học trị nhiều loại giun sán và dưới dạng dễ bảo quản, dễ sử dụng, ví dụ thuốc diptêrex dưới dạng viên. Chúng ta cũng đã nhập và thực nghiệm áp dụng nhiều loại vắc-xin và thuốc hóa học có hiệu lực tốt, cũng như xác định một số thuốc thảo mộc (thuốc nam) có thể trồng và sử dụng tại chỗ ở nông thôn.

Kế hoạch tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm cho lợn (hoặc cho uống thuốc phòng các bệnh giun sán) đã được xây dựng theo yêu cầu phòng từng loại bệnh: đối với mỗi bệnh tiêm phòng hằng năm trước mùa vụ thường phát bệnh nhằm gây cho đàn lợn có đầy đủ sức miễn dịch vào lúc có khả năng phát bệnh (1); tỉ lệ phải tiêm phòng là bao nhiêu súc vật trong đàn để bảo đảm việc tiêm phòng có hiệu lực ngăn chặn được dịch; việc tiêm phòng phải đặt trọng điểm vào những vùng có sự đe dọa phát dịch nhiều nhất (ví dụ: các ổ dịch cũ, vùng có nhiều gia súc tập trung, hoặc qua lại, vùng giáp giới mà việc kiểm soát bệnh thường không chặt chẽ). Để phòng bệnh có hiệu lực, ngoài việc chế tạo bảo quản và sử dụng đúng kĩ thuật các loại thuốc, phải thực hiện triệt để kế hoạch tiêm phòng hằng năm đã được cơ quan chuyên môn qui định: tiêm đúng vụ, đúng vùng, đúng tỉ lệ; thực hiện tiêm nhanh, gọn, bảo đảm kĩ thuật; giải quyết tốt các tai nạn có thể xảy ra sau khi tiêm.

Trong việc chữa bệnh, phải dựa trên cơ sở chẩn đoán bệnh chính xác, dùng đúng thuốc, đúng liều lượng, đúng cách, kết hợp với những phương pháp vệ sinh chăm sóc, bồi dưỡng theo chế độ nhất định. Phải khẩn trương can thiệp khi bệnh đã phát ra; muốn thế, phải tổ chức mạng lưới phòng, trị bệnh gia súc sát

(1) Ví dụ: Đối với bệnh dịch tả lợn, tiêm phòng một năm 1 lần vào tháng 8—9 hay tháng 2—3; bệnh đóng dấu lợn, tiêm phòng một năm 2 lần vào tháng 1—2 và tháng 8—9. Cho uống thuốc phòng giun đũa vào 3 tháng tuổi, thuốc phòng sán lá ruột vào 6 tháng tuổi.

với các cơ sở chăn nuôi, phải chuẩn bị đủ cán bộ, dụng cụ, thuốc men cần thiết để can thiệp kịp thời. Lại phải tính toán hiệu quả kinh tế của việc chữa bệnh: trường hợp nào thì nên chữa, so sánh chi phí về thuốc chữa bệnh, bồi dưỡng, chăm sóc với giá trị của con vật được chữa. Điều then chốt là phải nắm vững và thực hiện triệt để phương châm « phòng bệnh hơn chữa bệnh ».

c) Phải gây thành phong trào bảo vệ gia súc sâu rộng trong quần chúng.

Trong cả ba khu vực chăn nuôi hiện nay (chăn nuôi quốc doanh, chăn nuôi tập thể, chăn nuôi gia đình), nếu quần chúng không có ý thức và không tự tổ chức nhau lại để bảo vệ gia súc của riêng mình hoặc của tập thể mà mình được phân công phụ trách, thì riêng sự cố gắng của cơ quan chuyên môn không thể đạt kết quả mong muốn. Tất cả mọi người chăn nuôi (công nhân chăn nuôi ở nông trường quốc doanh, xã viên chăn nuôi tập thể ở hợp tác xã, gia đình chăn nuôi riêng) đều phải được hiểu biết đầy đủ về các tác hại của dịch bệnh, về những phương pháp phòng trừ dịch bệnh, để tự giác thi hành đầy đủ, nhất là để thường xuyên thực hiện đúng những nội qui về vệ sinh phòng dịch, phòng bệnh trong những cơ sở chăn nuôi tập trung. Riêng đối với lợn, có thể rút kinh nghiệm của nhiều nơi mà tổ chức thành những « hội bảo hiềm » gia súc của quần chúng, nhằm thúc đẩy, kiểm tra mọi người nuôi lợn đúng vệ sinh, đúng kĩ thuật, thực hiện đúng những phương pháp phòng, trừ dịch bệnh và tương trợ nhau mỗi khi xảy ra dịch bệnh gây thiệt hại.

2. Xúc tiến công tác nghiên cứu khoa học nhằm cải tiến hoạt động thú i.

Dựa vào những yêu cầu mới do sự phát triển của ngành chăn nuôi đặt ra cho công tác thú i như đã nói trên, công tác nghiên cứu khoa học về thú i (và riêng về phòng trừ dịch bệnh cho lợn) nên theo những phương hướng sau đây:

a) Nghiên cứu những phương pháp chẩn đoán nhanh chóng, những phương pháp phòng trừ bệnh hàng loạt, có thể áp dụng thuận tiện vào những cơ sở nuôi lợn tập trung qui mô vừa và lớn, theo hướng sử dụng những thành tựu mới của các khoa học cơ bản (sinh vật, toán, lí hóa) và các khoa học cơ sở về thú i (nhễm dịch học, sinh thái học động vật, vệ sinh học,...), theo hướng áp dụng cơ khí hóa và từng bước tự động hóa vào ngành chăn nuôi.

Theo những phương hướng này, ngành thú

i ở các nước đã có những tiến bộ khá rõ, bây giờ chỉ cần áp dụng thích hợp vào hoàn cảnh và điều kiện nước ta. Ví dụ: việc chẩn đoán nhanh chóng hàng loạt cơ thể dùng kháng nguyên và thống kê sinh vật học; việc phòng trị bệnh có thể dùng những kĩ thuật và máy móc, dụng cụ để làm vệ sinh chuồng trại một cách tự động, dùng những kĩ thuật chế biến, dự trữ bảo quản thức ăn với khối lượng lớn theo những tiêu chuẩn chặt chẽ về chất lượng (giá trị dinh dưỡng) và vệ sinh (loại trừ các mầm bệnh); việc cho thuốc (uống thuốc, tiêm thuốc) có thể dùng những dụng cụ tự động định liều lượng một cách chính xác và đưa thuốc vào cơ thể lợn một cách nhanh chóng không phải bắt giữ và tiêm cho từng con, hoặc có thể trộn thuốc vào thức ăn, nước uống; các thứ thuốc nên được nghiên cứu theo hướng tăng cường hiệu lực mà chỉ cần dùng ít lần, với liều lượng thấp, dùng một thứ thuốc phòng trị được nhiều loại bệnh.

b) Tiến hành nghiên cứu những loại bệnh có thể phát sinh trong quá trình đưa chăn nuôi lên sản xuất lớn: những bệnh đe dọa những cơ sở chăn nuôi tập trung, những bệnh có thể phát sinh ở những vùng kinh tế mới xây dựng, những bệnh có khả năng xảy ra do việc nhập các giống mới và sử dụng các nguồn thức ăn mới.... Riêng đối với lợn, trong thời gian qua, chúng ta đã có một số nhận xét và kinh nghiệm về những bệnh này, ví dụ: bệnh suyễn lợn, bệnh trùng xoắn và bệnh giun sán trong điều kiện chăn nuôi lợn tập trung; chúng ta cũng đã thấy cần thiết phải thay đổi một số kĩ thuật chế thuốc và phòng chống bệnh, ví dụ: kĩ thuật chế vắc xin dịch tả lợn dùng toàn thịt thỏ, kĩ thuật gia công thành viên thuốc diptêrêx trị giun sán, qui định khống chế tiến tới tiêu diệt bệnh suyễn lợn trong các cơ sở quốc doanh chăn nuôi lợn giống. Các giống lợn nhập nội có khả năng đưa vào ta những bệnh như sảy thai truyền nhiễm do Brucella, các bệnh trùng xoắn, với những « loại » vi trùng không có ở ta. Nghiên cứu những bệnh của các giống súc vật nhập nội phải xuất phát từ việc tìm hiểu bệnh ở những nước đã trao đổi gia súc với ta; tìm hiểu những đường lây lan và tác hại cụ thể của các bệnh ấy đối với lợn nước ta; vận dụng một cách sáng tạo những phương pháp phòng trị, khống chế, tiêu diệt bệnh ở các nước vào hoàn cảnh nước ta.

c) Nghiên cứu bổ sung « điều lệ phòng và trừ dịch bệnh do gia súc, gia cầm » cho thích

hợp với yêu cầu đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính. Ví dụ : bổ sung những bệnh mới và những biện pháp phòng, trị có hiệu lực cho những bệnh ấy ; bổ sung những thể lệ về vệ sinh thú 1, kiểm dịch, sát sinh ; bổ sung những phương pháp chống dịch có hiệu lực trong điều kiện chăn nuôi mới, v.v... Nghiên cứu xây dựng những cơ sở vật chất và kĩ thuật cần thiết cho ngành thú 1. Nghiên cứu những hình thức tổ chức của quần chúng để bảo đảm công tác phòng, trừ dịch bệnh.

..

Về công tác thú 1, nghị quyết hội nghị lần thứ 19 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã ghi : « Phải đặt nhiệm vụ chống toi dịch, tăng cường lãnh đạo và phát triển công tác thú 1 là vấn đề rất quan trọng để đẩy mạnh chăn nuôi ». Lãnh đạo và phát triển một ngành khoa học, kĩ thuật như ngành thú 1

phục vụ cho một ngành sản xuất là ngành chăn nuôi đang trong quá trình chuyển biến từ nghề phụ lên ngành chính, từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, là một công tác phức tạp, đòi hỏi phải dựa trên những dự đoán khoa học và sự phát triển của ngành khoa học, kĩ thuật này và của ngành sản xuất mà nó phục vụ. Dựa trên những tính toán có cơ sở khoa học, chúng ta phải dự đoán, trong một thời gian nữa, ngành chăn nuôi của ta sẽ phát triển thế nào về các mặt tập trung, chuyên môn hóa, « thâm canh » ; đồng thời dự đoán về trình độ của ngành này về các mặt cơ khí hóa, điện khí hóa, tự động hóa, hóa học hóa,... Về các mặt giống, thức ăn, chuồng trại, v.v... trên cơ sở những dự đoán ấy mà xác định ngành thú 1 phải đạt những tiến bộ kĩ thuật gì trong từng thời kì để phục vụ kịp thời cho những tiến bộ trong sản xuất chăn nuôi và trong khoa học, kĩ thuật chăn nuôi, xác định những vấn đề khoa học, kĩ thuật gì mà ngành thú 1 phải nghiên cứu giải quyết.

PHÁT TRIỂN NUÔI LỢN LAI KINH TẾ MẠNH MẼ VÀ CÓ KẾ HOẠCH

VŨ KÍNH TRỰC

I — LAI KINH TẾ LỢN — MỘT BIỆN PHÁP KINH TẾ — KỸ THUẬT CẤP BÁCH

Với ngành chăn nuôi nước ta, trong khoảng thời gian dài nữa, lợn là gia súc chiếm vị trí hàng đầu, giải quyết nhu cầu nhiều mặt : thịt ăn và xuất khẩu, phân bón cho trồng trọt, nguyên liệu cho công nghiệp.

Những năm qua, lợn tính theo đầu hộ không ổn định (năm lên, năm xuống thất thường). Chăn nuôi lợn ở khu vực quốc doanh và tập thể mới chiếm dưới 10%. Nhìn chung, đàn lợn tăng chậm cả về số lượng lẫn chất lượng, đạt chỉ tiêu thấp so với kế hoạch hằng năm.

Riêng về giống, thời gian qua có những thiếu sót chủ yếu như sau :

— Năng suất kém.

Mức tăng trọng lượng hằng tháng bình quân đạt dưới 4 kg, nên lợn nội thuần nuôi (đại trà) 10 tháng bình quân chỉ được 33 — 35 kg. Số lợn con xấu và còi cọc nhiều. Ở giai đoạn choai thì chậm lớn... Trước hết do trong đàn lợn nái, tỉ lệ nái xấu chiếm đa số (lợn cấp III và IV trên 60%), bình quân đẻ 1,5 lứa/năm; và cả năm, một lợn nái trưởng thành chỉ cho được 9 — 10 lợn con cai sữa.